



# ASP.NET for Developer

GV: Bùi Quang Đăng

# Contents

[www.stanford.com.vn](http://www.stanford.com.vn)



**Introduction Bootstrap**

**Working with Bootstrap**

**Using Bundles**

@stanford.com.vn



# ASP.NET for Developer

[www.stanford.com.vn](http://www.stanford.com.vn)

## Bootstrap





# ASP.NET for Developer

[www.stanford.com.vn](http://www.stanford.com.vn)

## Introduction Bootstrap

## ❖ Giới thiệu về Bootstrap

- **Bootstrap** là một framework giúp người lập trình có thể xây dựng ứng dụng web nhanh và dễ dàng hơn.
- **Bootstrap** được phát triển bởi *Mark Otto* and *Jacob Thornton* at *Twitter* và trở thành **Open Source** vào tháng 08/2011 trên GitHub.



## ❖ Giới thiệu về Bootstrap

- **Bootstrap** hỗ trợ tất cả các trình duyệt web hiện nay
- **Bootstrap** hỗ trợ hiển thị trên nhiều thiết bị với kích thước màn hình khác nhau (**Responsive design**) như trên máy tính, máy tính bảng, thiết bị di động,...
- Để sử dụng Bootstrap người dùng có thể tải trực tiếp từ địa chỉ: <http://getbootstrap.com/>

## ❖ Giới thiệu về Bootstrap



## Working with Bootstrap



## ❖ Working with Bootstrap

- Để sử dụng Bootstrap trong dự án người lập trình cần phải khai báo các thông tin theo cú pháp như sau:

```
<meta name="viewport" content="width=device-width,
initialscale=1.0">
<!-- Bootstrap -->
<link href="css/bootstrap.min.css" rel="stylesheet">

<!-- jQuery (necessary for Bootstrap's JavaScript plugins) -->
<script src="https://code.jquery.com/jquery.js"></script>
<!-- Include all compiled plugins (below), or include individual
files as needed -->
<script src="js/bootstrap.min.js"></script>
```

## ❖ Working with Bootstrap

- Bootstrap làm việc với các phần tử HTML và thuộc tính CSS yêu cầu kiểu là **HTML5 doctype**
- Trong Bootstrap 3 để làm việc với thiết bị di động người lập trình cần phải khai báo thẻ meta **viewport** trong cặp thẻ `<head></head>` trên trang web

## ❖ Working with Bootstrap

- Grid System sử dụng để chia trang thành các layout là 1 tập các dòng (row) và các cột (column) để hiển thị nội dung với tối đa là 12 cột. Trong đó:
  - Row phải được sử dụng bên trong lớp **.container**
  - Row sẽ tạo thành các cột nếu hiển thị theo chiều ngang (horizontal)
  - Sử dụng lớp **.row** và **.col-xs-4** để chia thành các layout

## ❖ Working with Bootstrap

- Sử dụng thẻ **@media** của css trong Bootstrap cho phép người lập trình có thể di chuyển, hiển thị và ẩn nội dung dựa trên kích thước của viewport.

```
@media (max-width: @screen-xs-max) { ... }  
@media (min-width: @screen-sm-min) and (max-width:  
@screen-sm-max) { ... }  
@media (min-width: @screen-md-min) and (max-width:  
@screen-md-max) { ... }  
@media (min-width: @screen-lg-min) { ... }
```

## ❖ Working with Bootstrap

### ■ Ví dụ:

```
/* Extra small devices (phones, less than 768px) */  
/* No media query since this is the default in Bootstrap */  
/* Small devices (tablets, 768px and up) */  
@media (min-width: @screen-sm-min) { ... }  
  
/* Medium devices (desktops, 992px and up) */  
@media (min-width: @screen-md-min) { ... }  
  
/* Large devices (large desktops, 1200px and up) */  
@media (min-width: @screen-lg-min) { ... }
```

## ❖ Working with Bootstrap

	Extra small devices Phones ( $<768\text{px}$ )	Small devices Tablets ( $\geq 768\text{px}$ )	Small devices Tablets ( $\geq 768\text{px}$ )	Large devices Desktops ( $\geq 1200\text{px}$ )
Grid behavior	Horizontal at all times	Collapsed to start, horizontal above breakpoints	Collapsed to start, horizontal above breakpoints	Collapsed to start, horizontal above breakpoints
Max container width	None (auto)	750px	970px	1170px
Class prefix	<b>.col-xs-</b>	<b>.col-sm-</b>	<b>.col-md-</b>	<b>.col-lg-</b>

## ❖ Working with Bootstrap

	Extra small devices Phones ( $<768\text{px}$ )	Small devices Tablets ( $\geq 768\text{px}$ )	Small devices Tablets ( $\geq 768\text{px}$ )	Large devices Desktops ( $\geq 1200\text{px}$ )
of columns	12	12	12	12
Max column width	Auto	60px	78px	95px

## ❖ Working with Bootstrap

- Cấu trúc của Bootstrap Grid:

```
<div class="container">
<div class="row">
<div class="col-*-*"></div>
<div class="col-*-*"></div>
</div>
<div class="row">...</div>
</div>

<div class="container">....
```



## ❖ Working with Bootstrap

```
<meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
```

- Thuộc tính **width** để lấy kích thước của thiết bị mobiles, desktops, tablets...
- **initial-scale=1.0** là tỷ lệ hiển thị đảm bảo trên trang web là 1: 1, không thu phóng.

## ❖ Working with Bootstrap

- **Responsive Images:** Sử dụng lớp **.imgresponsive** để hiển thị ảnh với width = 100%, height= auto

```

```

- **.img-rounded:** adds border-radius:6px to give the image rounded corners.
- **.img-circle:** makes the entire image round by adding border-radius:500px.
- **.img-thumbnail:** adds a bit of padding and a gray border.



## ❖ Working with Bootstrap

- **Containers:** Sử dụng lớp **.container** để hiển thị nội dung của trang web

```
<div class="container">  
...  
</div>  
  
.container {  
padding-right: 15px;  
padding-left: 15px;  
margin-right: auto;  
margin-left: auto;  
}
```

## ❖ Working with Bootstrap

- **Containers:** Khai báo trong file Bootstrap.css

```
@media (min-width: 768px) {  
  .container {  
    width: 750px;  
  }  
}
```

## ❖ Working with Bootstrap

### ■ Headings:

```
<h1>I'm Heading1 h1</h1>  
<h2>I'm Heading2 h2</h2>  
<h3>I'm Heading3 h3</h3>  
<h4>I'm Heading4 h4</h4>  
<h5>I'm Heading5 h5</h5>  
<h6>I'm Heading6 h6</h6>
```

### ■ Addresses:

```
<address>  
<strong>Stanford Day lap trinh</strong> <br>  
</address>
```

## ❖ Working with Bootstrap

- **Blockquotes:** Hiển thị comment, nội dung nhận xét

```
<blockquote>  
Stanford dạy kinh nghiệm lập trình với đội ngũ chuyên gia, giảng  
viên nhiều năm kinh nghiệm  
</blockquote>
```

- **List:** Sử dụng để hiển thị thông tin dạng danh sách:
  - Danh sách có thứ tự **ol**
  - Danh sách không có thứ tự **ul**
  - Danh sách tự định nghĩa **dl**

## ❖ Working with Bootstrap

- **List, Table:** Sử dụng lớp **.table**, **table-striped** để hiển thị thông tin dạng bảng

Class	Description
.active	Applies the hover color to a particular row or cell.
.success	Indicates a successful or positive action.
.warning	Indicates a warning that might need attention.
.danger	Indicates a dangerous or potentially negative action.

## ❖ Working with Bootstrap

- **Form Layout:** Sử dụng để thiết kế giao diện web

```
<form role="form">
<div class="form-group">
<label for="name">Name</label>
<input type="text" class="form-control" id="name"
placeholder="Enter Name">
</div>
<div class="checkbox">
<label>
<input type="checkbox"> Check me out
</label>
</div>
<button type="submit" class="btn btn default">Submit</button>
</form>
```



## ❖ Working with Bootstrap

- **Buttons:** Sử dụng để tạo các nút trên giao diện web

Class	Description
<b>btn</b>	Default/ Standard button.
<b>btn-primary</b>	Provides extra visual weight and identifies the primary action in a set of buttons.
<b>btn-success</b>	Indicates a successful or positive action.
<b>btn-info</b>	Contextual button for informational alert messages.
<b>btn-warning</b>	Indicates caution should be taken with this action.
<b>btn-link</b>	Deemphasize a button by making it look like a link while maintaining button behavior.

## ❖ Working with Bootstrap

- **Button Size:** Sử dụng để thiết lập kích thước các nút

Class	Description
<b>.btn-lg</b>	This makes the button size large.
<b>.btn-sm</b>	This makes the button size small.
<b>.btn-xs</b>	This makes the button size extra small.
<b>.btn-block</b>	This creates block level buttons—those that span the full width of a parent.

```
<button type="button" class="btn btn-default btn-lg ">  
Thực hiện  
</button>
```

## ❖ Working with Bootstrap

- **DropDowns:** Sử dụng để hiển thị danh sách dạng popup khi nhấn chọn

```
<button type="button" class="btn dropdown-toggle"
id="dropdownMenu1"
data-toggle="dropdown">
Button1
<span class="caret"> </span>
</button>

<ul class="dropdown-menu">
<li><a href="#">Dropdown link 1</a></li>
<li><a href="#">Dropdown link 2</a></li>
</ul>
```



## ❖ Working with Bootstrap

- **Input Group:** Sử dụng để trình bày các đối tượng nhập liệu:

```
<div class="input-group">  
<span class="input-group-addon">@</span>  
<input type="text" class="form-control"  
placeholder="twitterhandle">  
</div>  
<br>  
<div class="input-group">  
<input type="text" class="form-control">  
<span class="input-group-addon">.00</span>  
</div>
```

A visual representation of the first code block. It shows a text input field with a light gray border. To the left of the input is a small gray square containing an '@' symbol. The text 'twitterhandle' is faintly visible inside the input field as a placeholder.A visual representation of the second code block. It shows a text input field with a light gray border. To the left of the input is the text '@stanford'. To the right of the input is a small gray square containing the text '.00'.



# ASP.NET for Developer

[www.stanford.com.vn](http://www.stanford.com.vn)

## Using Bundles

## ❖ Working with Bundles

- Trong MVC Framework cung cấp Bundles để quản lý và tối ưu việc sử dụng CSS và Javascript trong ứng dụng.
- Bundles là nơi tài nguyên (css/js) được đóng thành các gói để dễ quản lý.
- Người lập trình có thể dễ dàng thêm 1 file css vào bundles bằng cách thêm đường dẫn đến file css đó vào bundle có sẵn hoặc tạo mới bằng lệnh `bundles.Add();`

## ❖ Working with Bundles

- Khai báo để sử dụng trong file **BundleConfig** của dự án:

```
// For more information on Bundling, visit http://go.microsoft.com/fwlink/?LinkId=254725  
1 reference  
public static void RegisterBundles(BundleCollection bundles)  
{  
    bundles.Add(new ScriptBundle("~/bundles/jquery").Include(  
        "~/Scripts/jquery-{version}.js"));  
  
    bundles.Add(new ScriptBundle("~/bundles/jqueryui").Include(  
        "~/Scripts/jquery-ui-{version}.js"));  
  
    bundles.Add(new ScriptBundle("~/bundles/jqueryval").Include(  
        "~/Scripts/jquery.unobtrusive*",  
        "~/Scripts/jquery.validate*"));  
}
```

Khai báo để sử dụng  
css và javascript trong  
ASP.NET MVC

## ❖ Working with Bundles

- Sử dụng CSS và Javascript bằng **NuGet** chọn **Visual Studio Tools => Library Package Manager**

```
Install-Package jQuery -version 1.10.2
```

```
Install-Package jQuery.Validation -version 1.11.1
```

```
Install-Package Microsoft.jQuery.Unobtrusive.Validation -version 3.0.0
```

```
Install-Package Bootstrap -version 3.0.0
```

```
Install-Package Microsoft.jQuery.Unobtrusive.Ajax -version 3.0.0
```

```
Install-Package Microsoft.AspNet.Web.Optimization -version 1.1.1
```



## ❖ Working with Bundles

- Khai báo để sử dụng trong file **BundleConfig** của dự án:

```
bundles.Add(new ScriptBundle("~/bundles/jquery").Include(  
    "~/Scripts/jquery-{version}.js"));  
  
bundles.Add(new  
ScriptBundle("~/bundles/jqueryui").Include(  
    "~/Scripts/jquery-ui-{version}.js"));  
  
bundles.Add(new  
ScriptBundle("~/bundles/jqueryval").Include(  
    "~/Scripts/jquery.unobtrusive*",  
    "~/Scripts/jquery.validate*"));
```

**{version}** để update phiên bản mới cho css, js trong bundles

## ❖ Working with Bundles

- Khai báo để sử dụng trong file **BundleConfig** của dự án:

```
bundles.Add(new
StyleBundle("~/Content/css").Include("~/Content/site.css"));

bundles.Add(new
StyleBundle("~/Content/themes/base/css").Include(
    "~/Content/themes/base/jquery.ui.core.css",
    "~/Content/themes/base/jquery.ui.autocomplete.css",
    "~/Content/themes/base/jquery.ui.button.css",
    "~/Content/themes/base/jquery.ui.dialog.css",
    "~/Content/themes/base/jquery.ui.datepicker.css",
    "~/Content/themes/base/jquery.ui.theme.css"));
```

## ❖ Working with Bundles

- Thư viện khai báo trong **web.config**:

```
<pages>
  <namespaces>
    <add namespace="System.Web.Helpers" />
    <add namespace="System.Web.Mvc" />
    <add namespace="System.Web.Mvc.Ajax" />
    <add namespace="System.Web.Mvc.Html" />
    <add namespace="System.Web.Optimization" />
    <add namespace="System.Web.Routing" />
    <add namespace="System.Web.WebPages" />
  </namespaces>
</pages>
<profile defaultProvider="DefaultProfileProvider">
```

Khai báo trong  
web.config

## ❖ Working with Bundles

- Khai báo sử dụng Bundles trong **Global.asax**:

```
0 references
public class MvcApplication : System.Web.HttpApplication
{
    0 references
    protected void Application_Start()
    {
        AreaRegistration.RegisterAllAreas();

        WebApiConfig.Register(GlobalConfiguration.Configuration);
        FilterConfig.RegisterGlobalFilters(GlobalFilters.Filters);
        RouteConfig.RegisterRoutes(RouteTable.Routes);
        BundleConfig.RegisterBundles(BundleTable.Bundles);
    }
}
```



# ASP.NET for Developer

[www.stanford.com.vn](http://www.stanford.com.vn)

## Practices



# Thank You !

[www.stanford.com.vn](http://www.stanford.com.vn)